

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH
Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày 23/9/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Chấn-Cán bộ hưu;

- Ông Trương Thanh Cường- Cán bộ hưu.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Huấn – Thư ký Toà án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà:** Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức T; sinh năm 1992; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; bố đẻ: Nguyễn Đức T1, sinh năm 1971; mẹ đẻ: Trịnh Thị L, sinh năm 1971; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Bùi Thị N, sinh năm 1994; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Công ty TNHH một thành viên T3.

Do bà Tạ Thị T2 - Chức vụ: Giám đốc đại diện.

Địa chỉ Công ty: Số B, lô B, khu B, đường L, KĐT D, phường D, thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà riêng bà T2: Thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Chị Bùi Thị N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cung nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh) là chủ hộ kinh doanh tại gia đình được Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8 016040 ngày 26/4/2022, với ngành nghề là kinh doanh tạp hóa, thời trang.

Quá trình kinh doanh, T nhận thấy nhu cầu của khách hàng đối với các sản phẩm là thực phẩm đóng gói có bao bì, nhãn hàng hóa, xuất xứ từ các thành phố lớn như: Bánh nhãn, đậu phộng sấy, ngô nếp chiên bơ, chuối sấy... dễ tiêu thụ, đem lại lợi nhuận cao nên T đã nảy sinh ý định làm giả các mặt hàng này. Để thực hiện ý định, khoảng tháng 11/2024, T đặt mua trên mạng xã hội Facebook 01 máy hàn miệng túi nhãn hiệu Tân Thanh model M5 loại 220V, 01 máy dập thông tin hạn sử dụng hiệu date model DY-8, túi nilon, nguyên liệu đóng theo bao, thùng giấy, vỏ bao bì có in tem nhãn, thông tin tên, địa chỉ các cơ sở sản xuất có địa chỉ tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí M ... Đồng thời, T sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Nguyễn Đức T” liên hệ với tài khoản Zalo “Quảng cáo Tuấn L1” của Công ty T4 do Hoàng Tuấn L1, sinh năm 1976 địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là TDP T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) là giám đốc đặt in một số loại tem nhãn theo yêu cầu của T để chuẩn bị cho việc sản xuất, đóng gói thực phẩm bán ra thị trường.

Sau khi mua nguyên liệu, máy móc, bao bì, tem nhãn sản phẩm, T sử dụng khu vực tầng 2 nhà của gia đình ở thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh làm địa điểm để sản xuất, đóng gói hàng giả. Đồng thời, T lên mạng Internet tự tìm hiểu

cách thức sản xuất, đóng gói sản phẩm để thực hiện với quy trình như sau: T dùng muối nhựa (thìa nhựa lớn) xúc nguyên liệu từ các thùng, bao to do T đặt mua trước đó cho vào các túi nilon trắng nhỏ đặt lên cân theo khối lượng định sẵn đối với từng loại hàng hóa rồi dán tem nhãn tương ứng với từng loại sản phẩm và dùng máy hàn nhiệt hàn miệng túi lại. Đối với các sản phẩm cần phải in thông tin ngày sản xuất, hạn sử dụng trực tiếp lên bao bì sản phẩm thì T sử dụng máy dập in thông tin ngày sản xuất, hạn sử dụng tương ứng từng loại thực phẩm; đối với những vỏ bao bì có in sẵn tem nhãn, thông tin tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, ngày sản xuất, thời hạn sử dụng rồi thì T chỉ việc đóng gói hoàn thiện sản phẩm rồi mang đi bán. Quá trình sản xuất hàng giả, T không nói cho các thành viên trong gia đình, gồm: vợ là chị Bùi Thị N; bố đẻ là ông Nguyễn Đức T1; mẹ đẻ là bà Trịnh Thị L biết việc làm của mình.

Với quy trình như trên, từ tháng 11/2024 đến ngày 21/4/2025, T đã sản xuất, đóng gói được 13 sản phẩm hoàn chỉnh gồm: Sản phẩm “Đặc sản Tây Bắc chuối sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin về địa chỉ nơi sản xuất là: Thống Nhất, T. Đồng N3; “Bắp khô bò lá chanh”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất là xã X, H. H, TP HCM; “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP.Đà Lạt; “Ngô nếp chiên bơ”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất tại Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng; “Táo đỏ” trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ nơi sản xuất tại P. T, Bình Phước; “Bánh kem gấu Thiên Hồng”, loại 180g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin Cơ sở sản xuất bánh kẹo T6, địa chỉ: B T, P. T, Q. B, TP .; “Bánh gấu vàng”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: B T, Q. B, TP .; “Hoa quả sấy Thăng Hoa”, “Bánh nhãn”, “Đậu phộng mix vị”, loại 400g/gói, “Đậu phộng mix vị”, loại 200g/gói, “Đậu đen xanh lòng sấy giòn”, “Đậu xanh sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3; địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội (viết tắt là Công ty T3).

Các sản phẩm bị làm giả này, T bày một phần tại cửa hàng của gia đình mình để bán cho khách đến mua trực tiếp. Quá trình mua bán, T giao dịch bằng tiền mặt; không ghi chép sổ sách; không lập hợp đồng mua bán; không xuất hoá đơn, chứng từ kèm theo; không nhớ thời gian đã bán hàng và không xác định được mỗi tháng thu được bao nhiêu tiền lợi nhuận từ việc sản xuất, buôn bán các loại hàng giả là thực phẩm trên. Ngoài ra, T còn trực tiếp đi bán các sản phẩm là thực phẩm giả cho cho 03 hộ kinh doanh gồm:

1. Hộ kinh doanh do ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh) làm chủ hộ kinh doanh: 03 gói “Đậu phộng mix vị” loại 400g/gói; 02 gói “Đậu phộng mix vị” loại 200g/gói và 01 gói “Táo đỏ” được tổng số tiền là 149.000 đồng.

2. Hộ kinh doanh do bà Vũ Thị N1, sinh năm 1986, trú tại: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh) làm chủ hộ: 06 gói “Táo đỏ” và 01 gói “Ngô nếp sấy giòn” được tổng số tiền là 165.000 đồng.

3. Bán cho hộ kinh doanh do ông Phan Văn M1, sinh năm 1963, trú tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn V, xã T, tỉnh Bắc Ninh): 04 gói “Ngô nếp sấy giòn” và 02 gói “Bắp khô bò lá chanh” được tổng số tiền là 84.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ 05 phút ngày 21/4/2025, tổ công tác của Đội quản lý thị trường số C- Cục quản lý thị trường tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) phối hợp với Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh B) tiến hành kiểm tra hộ kinh doanh Nguyễn Đức T thì phát hiện việc T sản xuất, buôn bán thực phẩm giả nên lập biên bản vụ việc, thu giữ tài sản, vật chứng có liên quan gồm:

- Vật chứng là các gói sản phẩm đã được sản xuất hoàn chỉnh gồm: 85 gói “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: T, T.Đông Nai; 105 gói “Bắp khô bò lá chanh”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất tại xã X, H. H, TP HCM; 70 gói “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP.Đà Lạt; 40 gói “Ngô nếp chiên bơ”, trên nhãn thể hiện thông tin Cơ sở sản xuất: Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng; 60 gói “Táo đỏ”, trên nhãn có ghi thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước; 78 gói “Hoa quả sấy Thăng Hoa”; 25 gói “Bánh nhãn”, 28 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 400g/gói, 55 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 200g/gói, 80 gói “Đậu đen xanh lòng sấy giòn”, 65 gói “Đậu xanh sấy giòn”, trên nhãn các sản phẩm trên đều thể hiện thông tin đóng gói và phân phối Công ty T3.

- Vật chứng là các tem nhãn dùng để sản xuất, buôn bán hàng giả gồm:

+ 70 chiếc tem nhãn “Hoa quả sấy Thăng Hoa”, 400 chiếc tem nhãn “Đậu phộng mix vị”, đóng gói và phân phối bởi Công ty T3; 348 chiếc nhãn “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, địa chỉ: T, T.Đông Nai, V; 60 chiếc nhãn “Ngô nếp chiên bơ”, Cơ sở sản xuất: Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng; 1280 chiếc nhãn “Bánh gấu vàng”, địa chỉ: B7/73D T, Q. B, TP HCM; 500 chiếc nhãn “Ngô nếp sấy giòn”, địa chỉ: P. Đ, TP.Đà Lạt; 08 chiếc nhãn “Táo đỏ”, địa chỉ: P. T, Bình Phước; 25 chiếc túi nilon in thông tin sản phẩm bánh kem gấu Thiên Hồng (đây là các nhãn túi nilon sản phẩm liên quan đến số sản phẩm đã là thành phẩm hoàn chỉnh).

+ 150 chiếc tem nhãn “Đậu xanh sấy giòn”; 140 chiếc nhãn “Đậu đen xanh lòng sấy giòn”; 145 chiếc nhãn “Bánh nhãn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi Công ty T3; 750 chiếc tem nhãn “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, sản xuất tại Cơ sở C1, địa chỉ: xã Q, H. T, T. Đ, V; 850 chiếc tem

nhãn “Bắp khô bò lá chanh”, sản xuất tại C2, địa chỉ: B T, P. T, Q. T, TP . (đây là các loại nhãn sản phẩm khác chưa sử dụng cho sản phẩm nào).

- Vật chứng thu giữ là máy móc, công cụ phương tiện T dùng để sản xuất hàng giả: 01 máy dập date model DY-8, 01 máy hàn miệng túi Tân Thanh model M5, 220V, 01 chiếc muối nhựa màu hồng, 01 chiếc kéo sắt, 02 chiếc ống đong bằng nhựa.

Ngày 22/4/2025, Cục quản lý thị trường tỉnh B phối hợp với Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B tiến xác minh đối với Công ty T3 thì xác định: Công ty T3 có địa chỉ tại: Ô, lô B, LK A, khu B, đường L, D, H, Hà Nội do bà Tạ Thị T2, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội làm Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật; Công ty có đăng ký sản xuất các sản phẩm “Đậu phộng Mix vị”, “Đậu xanh sấy giòn”, “Đậu xanh sấy giòn và Bánh N4”. Tuy nhiên, bà T2 không biết, không ủy quyền cho Nguyễn Đức T thực hiện đóng gói, sản xuất các sản phẩm trên.

Ngày 24/4/2025, Cục quản lý thị trường tỉnh B đã chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm cùng đồ vật, vật chứng có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (viết tắt là Cơ quan điều tra) để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với ông Vũ Văn Đ (chủ hộ kinh doanh Định Oanh); bà Vũ Thị N1 (chủ hộ kinh doanh Vũ Thị N1); ông Phan Văn M1 (chủ hộ kinh doanh Phan Văn M1) thì ông Đ, bà N1 và ông M1 đều khai nhận có mua các sản phẩm hàng hóa là thực phẩm của T để bày bán cho khách tại cửa hàng. Tuy nhiên, khi mua ông Đ, bà N1 và ông M1 không biết những sản phẩm hàng hóa trên là thực phẩm giả. Đồng thời, ông Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra: 03 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 400g/gói, 02 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 200g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi Công ty T3, 01 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước; Bà N1 giao nộp: 06 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước và 01 gói “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP.Đ; Ông M1 giao nộp: 04 gói “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP Đ và 02 gói “Bắp khô bò lá chanh”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất tại: X. X, H. H, TP ..

Ngày 06/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Phòng Kinh tế - Hạ tầng - Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, kết quả xác định: “ *Phòng kinh tế - hạ tầng huyện L không cấp giấy chứng nhận cơ sở có đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho hộ kinh doanh Nguyễn Đức T; Căn cứ vào Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2019 của Chính phủ và phụ lục III, IV danh mục*

kèm theo Nghị định thì các loại sản phẩm hoàn chỉnh, hàng hóa do Nguyễn Đức T sản xuất, đóng gói nêu trên là thực phẩm”.

Ngày 22/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Đức T thực nghiệm lại hành vi sản xuất, đóng gói thực phẩm giả, kết quả: Thợ sử dụng thành thạo máy móc, thiết bị để sản xuất, đóng gói thực phẩm giả, quy trình thực hiện phù hợp với lời khai của T. Sau khi thực nghiệm, Cơ quan điều tra thu giữ: 02 gói “Táo đỏ” và 02 gói “Đặc sản Tây Bắc chuối sấy giòn” là sản phẩm thành phẩm trong quá trình thực nghiệm điều tra. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng số máy NT6G2LL/A, số seri: F2LZG0K1KPHD, số Imei: 353097105918626, số Imei 2: 353097105998537.

Tại kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Bắc Giang, kết luận: *“85 gói đặc sản tây bắc chuối sấy giòn có giá là 1.275.000 đồng; 107 gói bắp khô bò lá chanh có giá là 1.284.000 đồng; 84 gói ngô nếp sấy giòn có giá là 1.260.000 đồng; 40 gói gói ngô chiên bơ có giá là 1.520.000 đồng; 78 gói hoa quả sấy Thăng Hoa có giá là 2.340.000 đồng; 71 gói táo đỏ có giá là 1.775.000 đồng; 25 gói Bánh Nhãn có giá là 375.000 đồng; 31 gói đậu phộng mix vị loại 400g có giá là 930.000 đồng; 65 gói đậu phộng mix vị loại 200g có giá là 969.000 đồng; 80 gói đậu đen xanh lòng sấy giòn có giá là 2.400.000 đồng; 65 gói đậu xanh sấy giòn có giá là 1.950.000 đồng; 200 gói bánh kem gấu Thiên Hồng có giá là 3.400.000 đồng; 35 gói bánh gấu vàng có giá là 1.330.000 đồng. Tổng trị giá của toàn bộ số hàng hóa nêu trên tại thời điểm tháng 04/2025 là 20.808.000 đồng”.*

Từ ngày 03/6/2025 đến ngày 10/6/2025, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh đối với các cơ sở sản xuất có thông tin, địa chỉ in trên nhãn, bao bì sản phẩm thu giữ tại nhà của Nguyễn Đức T gồm: “Đặc sản Tây B chuối sấy giòn”; địa chỉ huyện T, tỉnh Đồng Nai; “Bắp khô bò lá chanh”, địa chỉ: Công ty C3, địa chỉ: phường T, quận T, TP . và có xưởng sản xuất tại xã X, huyện H, TP .; “Ngô nếp sấy giòn” địa chỉ: Phường Đ, TP ., tỉnh Lâm Đồng; “Ngô nếp chiên bơ” sản xuất tại Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng “Táo đỏ” địa chỉ: Phường T, TP ., tỉnh Bình Phước; “Bánh kem gấu Thiên Hồng” địa chỉ: B7/73D T, P. T, Q.B, TP HCM; “Bánh gấu vàng” địa chỉ: B7/73D T, Q. B, TP HCM. Kết quả điều tra xác định: Tại các địa chỉ trên không có cơ sở kinh doanh hoạt động.

Tại Bản kết luận giám định số 1127/KL-KTHS ngày 13/6/2025 của Phòng K - Công an tỉnh B, kết luận:

“1. Các chữ in nội dụng NSX 01 04 25 - HSD 01 04 26, NSX 01 02 24 - HSD 01 02 25, NSX 01 11 2 - HSD 01 11, NSX 01 02 25 - HSD 01 02 26, NSX

01 12 24 - HSD 01 12 25, in trên các gói có các dòng chữ: Hoa quả sấy thăng Hoa, Táo đỏ; Chuối sấy giòn; Ngô nếp chiêm bơ; Bắp khô bò lá chanh; Ngô nếp sấy giòn; Đậu phộng Mix vị; Bánh gấu vàng; Bánh kem Thiên Hồng so với dây thông tin về ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng “HSD” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M15) là do cùng một loại máy in in ra.

2. Các chữ có nội dung NSX/11/03/2025, NSX/22/03/2025-HSD/22/03/2026; NSX19/03/2025-HSD/19/03/2026; NSX/16/3/2025-HSD/16/03/2026; NSX/07/04/2025-HSD/07/04/2026; NSX/08/04/2025-HSD/08/04/2026; NSX/26/3/2025 -HSD/26/3/2026 in trên các gói có dòng chữ Bánh Nhãn, Đậu X, Đậu đen xanh lòng sấy giòn so với dây thông tin về ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng “HSD” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M15) không phải do cùng một loại máy in in ra”.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đức T đã tự nguyện thoả thuận bồi thường cho cửa hàng của bà Vũ Thị N1 số tiền 165.000 đồng; cửa hàng của ông Vũ Văn Đ số tiền 149.000 đồng; cửa hàng của ông Phan Văn M1 số tiền 84.000 đồng tương đương với giá trị hàng hóa các cửa hàng trên đã mua của T nhưng bị Cơ quan điều tra thu giữ. Bà N1, ông Đ, ông M1 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu T phải bồi thường thêm gì về dân sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Đức T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các cửa hàng của bà N1, ông Đ, ông M1 số tiền tương đương với giá trị hàng hóa các cửa hàng trên đã mua của T nhưng bị Cơ quan điều tra thu giữ và được bà N1, ông Đ, ông M1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Ngoài ra, Bị cáo có ông nội tên Nguyễn Đức L2 được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy chương kháng chiến hạng nhì và bà nội tên Nguyễn Thị Á được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định, toàn bộ gói sản phẩm đã được sản xuất hoàn chỉnh (thành phẩm), nguyên liệu, tem nhãn thu giữ tại hộ kinh doanh Nguyễn Đức T; các sản phẩm thu giữ tại các hộ kinh doanh đã mua hàng của T gồm hộ kinh doanh Vũ Văn Đ, Vũ Thị N1, Phan Văn M1; các sản phẩm thành phẩm khi thực nghiệm điều tra; 01 máy dập date model DY-8, 01 máy hàn miệng túi Tân Thanh model M5 220V, 01 muôi nhựa màu hồng, 01 kéo sắt, 02 ống đong bằng nhựa và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu trắng là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để giải quyết cùng hồ sơ vụ án.

Đối với việc Nguyễn Đức T có hành vi đặt mua nguyên liệu, máy móc, thiết bị, bao bì, tem nhãn sản phẩm trên mạng xã hội Facebook để thực hiện việc sản xuất hàng giả. Tuy nhiên, T không biết thông tin của người bán nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh.

Đối với bà Trịnh Thị L, chị Bùi Thị N là các thành viên trong gia đình T nhưng những người này không tham gia, không biết việc T sản xuất, buôn bán hàng giả nên không vi phạm pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Đức T1 là thành viên trong gia đình có một số lần giúp T đóng gói, hoàn thiện sản phẩm nhưng ông T1 không biết việc T sản xuất hàng giả; không hưởng lợi từ việc sản xuất, buôn bán hàng hóa là thực phẩm giả của T nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với ông Vũ Văn Đ, ông Phan Văn M1, bà Vũ Thị N1 là các chủ cửa hàng mua các sản phẩm do T làm giả mục đích bán lại kiếm lời nhưng khi mua những người này không biết đó là thực phẩm do T làm giả nên không vi phạm pháp luật.

Đối với Công ty T4 do Hoàng Tuấn L1 là giám đốc; bà Hoàng Thị X1, bà Nguyễn Thị Liên H là nhân viên có nhận in các tem nhãn sản phẩm hàng hóa cho Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, khi nhận in ấn các tem nhãn sản phẩm hàng hóa cho T thì hai bên không ký hợp đồng và T cũng không trực tiếp đến Công ty để liên hệ mà chỉ trao đổi việc thiết kế, đặt in nhãn hàng hóa qua phần mềm Zalo. Đồng thời, ông L1, bà X1 và bà H đều không biết mục đích T đặt in ấn các nhãn sản phẩm trên để sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Công ty T3; địa chỉ tại: Ô, lô B, LK A, khu B, đường L, D, H, Hà Nội có tên và địa chỉ trên một số tem nhãn, bao bì T đặt mua trên mạng. Quá trình điều tra xác định Công ty T3 có địa chỉ như trên do bà Tạ Thị T2, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội làm Giám đốc; Công ty có đăng ký sản xuất các sản phẩm “Đậu phộng Mix vị”, “Đậu xanh sấy giòn”, “Đậu xanh sấy giòn và Bánh N4”. Tuy nhiên, bà T2 không biết T, không ủy quyền cho T thực hiện đóng gói, sản xuất các sản phẩm trên và bà T2 không yêu cầu T phải bồi thường về dân sự.

Đối với các cơ sở sản xuất có địa chỉ, thông tin được in trên nhãn, bao bì sản phẩm thu giữ tại nhà của T gồm: “Đặc sản Tây B chuối sấy giòn”; địa chỉ huyện T, tỉnh Đồng Nai; “Bắp khô bò lá chanh”, địa chỉ: Công ty C3, địa chỉ: phường T, quận T, TP . và có xưởng sản xuất tại xã X, huyện H, TP .; “Ngô nếp sấy giòn” địa chỉ: Phường Đ, TP ., tỉnh Lâm Đồng; “Ngô nếp chiên bơ” sản xuất tại Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng “Táo đỏ” địa chỉ: Phường T, TP ., tỉnh Bình Phước; “Bánh kem gấu Thiên Hồng” địa chỉ: B7/73D T, P. T, Q.B, TP

HCM; “Bánh gấu vàng” địa chỉ: B7/73D T, Q.B, TP HCM. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì xác định: các cơ sở có tên, địa chỉ như trên không có thật.

Quá trình điều tra, truy tố Bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

* Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai.

Ngoài ra bị cáo T còn trình bày: Bị cáo kinh doanh tạp hóa ở địa phương, có giấy phép kinh doanh. Hàng ngày bị cáo bán hàng, khách hàng đến mua hàng có nói chuyện mua các sản phẩm thực phẩm về đóng gói bán lẻ hơn lấy của đại lý giao hàng. Bị cáo đã tìm hiểu trên mạng xã hội và mua các tem, nhãn hàng hóa đang bán chạy trên thị trường như: “*Đặc sản Tây B chuối sấy giòn*”, “*Bắp khô bò lá chanh*”, “*Ngô nếp sấy giòn*”, “*Ngô nếp chiên bơ*”, “*Táo đỏ*”; “*Bánh kem gấu Thiên Hồng*”, “*Bánh gấu vàng*”, “*Hoa quả sấy Thăng Hoa*” và nhiều nhãn hiệu khác. Bị cáo cũng không biết các nhãn hiệu hàng hóa trên có đúng hay không và bị cáo mua các sản phẩm đóng gói trên thị trường về nhà đóng gói và bán. Dụng cụ đóng gói bị cáo cũng mua trên mạng xã hội.

Ngoài ra bị cáo còn đặt in tại Công ty T4 một số nhãn mác để phục vụ đóng gói. Bị cáo biết việc mua nguyên liệu, máy móc, bao bì, tem nhãn sản phẩm về đóng gói thực phẩm, lấy tên sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 193; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói sản phẩm đã được sản xuất hoàn chỉnh (thành phẩm), nguyên liệu, tem nhãn thu giữ tại hộ kinh doanh Nguyễn Đức T; các sản phẩm thu giữ tại các hộ kinh doanh đã mua hàng của T gồm hộ kinh doanh Vũ Văn Đ, Vũ Thị N1, Phan Văn M1 và các sản phẩm thành phẩm khi thực nghiệm điều tra được hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 máy đập date model DY-8, 01 máy hàn miệng túi Tân Thanh model M5 220V, 01 chiếc muôi (thìa) nhựa màu hồng, 01 kéo sắt, 02 ống đong bằng nhựa và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng hình sự sơ thẩm.

* Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

Bị cáo T không tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận. Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên.

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đức T không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước cấp giấy chứng nhận cơ sở có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; không có hồ sơ công bố hay tự công bố chất lượng an toàn thực phẩm của bất kỳ sản phẩm nào là thực phẩm, không được cá nhân, tổ chức nào ủy quyền, ký hợp đồng sản xuất, đóng gói, đóng hộp các sản phẩm là thực phẩm.

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến ngày 21/4/2025, vì mục đích lợi nhuận Nguyễn Đức T đã mua nguyên liệu, máy móc, bao bì, tem nhãn sản phẩm rồi sử dụng khu vực tầng 2 nhà của gia đình ở thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh để làm địa điểm sản xuất, đóng gói 13 sản phẩm là thực phẩm giả có tổng trị giá là 20.808.000 đồng (vi phạm quy định tại điểm đ, khoản 7 Điều 3 Nghị định số: 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Sau khi sản xuất, đóng gói thực phẩm xong, T đã bán cho ông Vũ Văn Đ: 03 gói “*Đậu phộng mix vị*” loại 400g/gói, 02 gói “*Đậu phộng mix vị*” loại 200g/gói và 01 gói “*Táo đỏ*” được tổng số tiền là 149.000 đồng; bán cho bà Vũ Thị N1: 06 gói “*Táo đỏ*”, 01 gói “*Ngô nếp sấy giòn*” được tổng số tiền là 165.000 đồng; Bán cho ông Phan Văn M1: 04 gói “*Ngô nếp sấy giòn*”, 02 gói “*Bắp khô bò lá chanh*” được tổng số tiền là 84.000 đồng.

Thông qua mạng xã hội, bị cáo T đã tự đi mua nguyên liệu, máy móc, bao bì, tem nhãn sản phẩm nguyên, thiết bị để đóng gói các sản phẩm là thực phẩm giả để bán kiếm lời. Tổng trị giá của toàn bộ số hàng hóa nêu trên tại thời điểm tháng 04/2025 là 20.808.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của BLHS.

Vì vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm mất uy tín của Nhà nước trong việc quản lý hàng hoá trên thị trường; làm giảm uy tín, gây thiệt hại cho

các doanh nghiệp có sản phẩm bị làm giả, gây mất cân bằng về giá trị hàng hoá trên thị trường.

Đối với người tiêu dùng, khi sử dụng phải thực phẩm giả, có thể gây nguy hại cho sức khoẻ.

Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các chủ cửa hàng của bà N1, ông Đ, ông M1 số tiền tương đương với giá trị hàng hóa các cửa hàng trên đã mua của T nhưng bị Cơ quan điều tra thu giữ và được bà N1, ông Đ, ông M1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có ông nội tên Nguyễn Đức L2 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy chương kháng chiến hạng nhì và bà nội là Nguyễn Thị Á được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, không còn lần phạm tội nào khác. Đối chiếu với các qui định của Điều 2 của Nghị quyết số: 03/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi của bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, nên cần tiếp tục áp dụng biện pháp cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú 45 ngày để bảo đảm việc thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Cần phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Đức T đã tự nguyện thoả thuận bồi thường cho cửa hàng của bà Vũ Thị N1 số tiền 165.000 đồng; cửa hàng của ông Vũ Văn Đ số tiền 149.000 đồng; cửa hàng của ông Phan Văn M1 số tiền 84.000 đồng tương đương với giá trị hàng hóa các cửa hàng trên đã mua của T nhưng bị Cơ quan điều tra thu giữ. Bà N1, ông Đ, ông M1 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu T phải bồi thường thêm gì về dân sự. Nên không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói sản phẩm đã được sản xuất hoàn chỉnh (thành phẩm), nguyên liệu, tem nhãn thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Đức T; các sản phẩm thu giữ tại các hộ kinh doanh đã mua hàng của T gồm hộ kinh doanh Vũ Văn Đ, Vũ Thị N1, Phan Văn M1 và các sản phẩm thành phẩm khi thực nghiệm điều tra được hoàn lại sau giám định và 01 chiếc muôi (thìa) nhựa màu hồng, 01 kéo sắt, 02 ống đong bằng nhựa.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 máy dập date model DY-8, 01 máy hàn miệng túi Tân Thanh model M5 220V và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max.

[10] Về các nội dung khác:

- Đối với việc Nguyễn Đức T có hành vi đặt mua nguyên liệu, máy móc, thiết bị, bao bì, tem nhãn sản phẩm trên mạng xã hội Facebook để thực hiện việc sản xuất hàng giả. Tuy nhiên, T không biết thông tin của người bán nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh.

- Đối với bà Trịnh Thị L và chị Bùi Thị N là các thành viên trong gia đình T nhưng những người này không tham gia, không biết việc T sản xuất, buôn bán hàng giả nên không vi phạm pháp luật là phù hợp.

- Đối với ông Nguyễn Đức T1 là thành viên trong gia đình có một số lần giúp T đóng gói, hoàn thiện sản phẩm nhưng ông T1 không biết việc T sản xuất hàng giả; không hưởng lợi từ việc sản xuất, buôn bán hàng hóa là thực phẩm giả của T nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Đối với ông Vũ Văn Đ, ông Phan Văn M1, bà Vũ Thị N1 là các chủ cửa hàng mua các sản phẩm do T làm giả mục đích bán lại kiếm lời nhưng khi mua những người này không biết đó là thực phẩm do T làm giả nên không vi phạm pháp luật là đúng quy định.

- Đối với Công ty T4 do Hoàng Tuấn L1 là giám đốc; bà Hoàng Thị X1, bà Nguyễn Thị Liên H là nhân viên có nhận in các tem nhãn sản phẩm hàng hóa cho Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, khi nhận in ấn các tem nhãn sản phẩm hàng hóa cho T thì hai bên không ký hợp đồng và T cũng không trực tiếp đến Công ty để

liên hệ mà chỉ trao đổi việc thiết kế, đặt in nhãn hàng hóa qua phần mềm Zalo. Đồng thời, ông L1, bà X1 và bà H đều không biết mục đích T đặt in ấn các nhãn sản phẩm trên để sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Đối với Công ty T3; địa chỉ tại: Ô, lô B, LK A, khu B, đường L, D, H, Hà Nội có tên và địa chỉ trên một số tem nhãn, bao bì T đặt mua trên mạng. Quá trình điều tra xác định Công ty T3 có địa chỉ như trên do bà Tạ Thị T2, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội làm Giám đốc; Công ty có đăng ký sản xuất các sản phẩm “Đậu phộng Mix vị”, “Đậu xanh sấy giòn”, “Đậu xanh sấy giòn và Bánh N4”. Tuy nhiên, bà T2 không biết T, không ủy quyền cho T thực hiện đóng gói, sản xuất các sản phẩm trên và bà T2 không yêu cầu T phải bồi thường về dân sự.

- Đối với các cơ sở sản xuất có địa chỉ, thông tin được in trên nhãn, bao bì sản phẩm thu giữ tại nhà của T gồm: “Đặc sản Tây B chuối sấy giòn”; địa chỉ huyện T, tỉnh Đồng Nai; “Bắp khô bò lá chanh”, địa chỉ: Công ty C3, địa chỉ: phường T, quận T, TP . và có xưởng sản xuất tại xã X, huyện H, TP .; “Ngô nếp sấy giòn” địa chỉ: Phường Đ, TP ., tỉnh Lâm Đồng; “Ngô nếp chiên bơ” sản xuất tại Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng “Táo đỏ” địa chỉ: Phường T, TP ., tỉnh Bình Phước; “Bánh kem gấu Thiên Hồng” địa chỉ: B7/73D T, P. T, Q.B, TP HCM; “Bánh gấu vàng” địa chỉ: B7/73D T, Q.B, TP HCM. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì xác định: Các cơ sở có tên, địa chỉ như trên không có thật.

[11] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo và các nội dung khác là phù hợp.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Khoản 1 và khoản 5 Điều 193, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Bắc Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước các tài sản sau:

- 01 chiếc Cân điện tử Fujihatsu Max 30kg; 01 chiếc Cân điện tử K1 3000g; 01 chiếc Máy dập date model DY-8; 01 Máy hàn miệng túi Tân Thanh model M5, 220V được cho vào 01 thùng xốp, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng xốp (*ký hiệu M1*);

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng, số máy: NT6G2LL/A, số seri: F2LZG0K1KPHD, số Imei: 353097105918626, Số I: 353097105998537, không có sim điện thoại (đã qua sử dụng) được niêm phong trong 01 phong bì thư.

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

01) 85 gói “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: T, T.Đồng Nai được cho vào 03 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP1, TP2, TP3*);

02) 105 gói “Bắp khô bò lá chanh”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất tại xã X, H. H, TP HCM được cho vào 03 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP4, TP5, TP6*);

03) 70 gói “Ngô nếp sảy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP.Đ được cho vào 02 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP7, TP8*);

04) 40 gói “Ngô nếp chiên bơ”, trên nhãn thể hiện thông tin Cơ sở sản xuất: Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng được cho vào 01 thùng bìa cát tông sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP9*);

05) 78 gói “Hoa quả sảy Thăng Hoa”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP10*);

06) 60 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP11*);

07) 25 gói “Bánh nhãn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP12*);

08) 28 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 400g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP13*);

09) 55 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 200g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP14*);

10) 80 gói “Đậu đen xanh lòng sảy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 bao tải dứa, sử dụng giấy niêm phong dán tại miệng bao (*ký hiệu TP15*);

11) 65 gói “Đậu xanh sảy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TP16*);

12) 200 gói “Bánh kem gấu Thiên Hồng”, loại 180g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin Cơ sở sản xuất bánh kẹo T6, địa chỉ: B7/73D T, P. T, Q. B, TP. được cho vào 09 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép

các thùng bìa (ký hiệu TP17, TP18, TP19, TP20, TP21, TP22, TP23, TP24, TP25);

13) 35 gói “Bánh gấu vàng”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: B T, Q. B, TP. được cho vào 01 bao tải dứa, sử dụng giấy niêm phong dán tại miệng bao (ký hiệu TP26);

14) Nguyên liệu “Bắp khô bò lá chanh” tổng khối lượng 90kg, được cho vào 03 bao tải dứa, sử dụng giấy niêm phong dán tại miệng bao (ký hiệu B1, B2, B3);

15) Nguyên liệu “Ngô nếp sấy giòn” tổng khối lượng 230kg, được cho vào 08 bao tải dứa, sử dụng giấy niêm phong dán tại miệng bao (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8);

16) Nguyên liệu “Đậu phộng mix vị” tổng khối lượng 90kg, được cho vào 08 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8);

17) Nguyên liệu “Hoa quả sấy thăng hoa” tổng khối lượng 16kg, được cho vào 03 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu D1, D2, D3);

18) Nguyên liệu “Táo đỏ” tổng khối lượng 20kg, được cho vào 02 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu E1, E2);

19) Nguyên liệu “Chuối sấy” giòn tổng khối lượng 45kg, được cho vào 04 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu G1, G2, G3, G4);

20) Nguyên liệu “Ngô nếp chiên bơ” tổng khối lượng 25kg, được cho vào 02 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu H1, H2);

21) “Túi ni long zip trong” tổng khối lượng 25kg, được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (ký hiệu T1);

22) 70 chiếc nhãn “Hoa quả sấy Thăng Hoa”, đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội; 348 chiếc nhãn “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, địa chỉ: T, T.Đông Nai, V; 60 chiếc nhãn “Ngô nếp chiên bơ”, Cơ sở sản xuất: Cơ sở T5, địa chỉ: A, L, Đ, Lâm Đồng; 400 chiếc nhãn “Đậu phộng mix vị”, đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội; 1280 chiếc nhãn “Bánh gấu vàng”, địa chỉ: B7/73D T, Q.B, TP HCM ; 500 chiếc nhãn “Ngô nếp sấy giòn”, địa chỉ: P. Đ, TP.Đà Lạt; 08 chiếc nhãn “Táo đỏ”, địa chỉ: P. T, Bình Phước; 25 chiếc túi nilon

in thông tin sản phẩm bánh kem gấu Thiên Hồng (là các nhãn, túi nilong sản phẩm liên quan đến số sản phẩm đã là thành phẩm hoàn chỉnh), được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu N1*);

23) 150 chiếc nhãn “Đậu xanh sấy giòn”, đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội; 140 chiếc nhãn “Đậu đen xanh lòng sấy giòn” đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội; 145 chiếc nhãn “Bánh nhãn”, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội; 750 chiếc nhãn “Đặc sản Tây Bắc C sấy giòn”, sản xuất tại Cơ sở C1, địa chỉ: xã Q, H. T, T. Đ, V; 850 chiếc nhãn “Bắp khô bò lá chanh”, sản xuất tại C2, địa chỉ: B T, P. T, Q. T, TP . (là các loại nhãn sản phẩm khác chưa sử dụng cho sản phẩm nào) được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu N2*);

24) 01 chiếc muối nhựa màu hồng; 01 chiếc kéo sắt; 02 chiếc ống đong bằng nhựa được cho vào 01 thùng xốp, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng xốp (*ký hiệu M1*);

25) 02 gói “Đặc sản T Chuối sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: T, T.Đồng Nai và 02 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước (do bị can T và Nguyễn Đức T1 thực hiện đóng gói, dán nhãn trong quá trình thực nghiệm điều tra) được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TN1*);

26) 04 gói “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP.Đà Lạt và 02 gói “Bắp khô bò lá chanh”, trên nhãn thể hiện thông tin sản xuất tại xã X, H. H, TP HCM được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TN3*);

27) 03 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 400g/gói, 02 gói “Đậu phộng mix vị”, loại 200g/gói, trên nhãn thể hiện thông tin đóng gói và phân phối bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T3, địa chỉ: Ô, Lô B, LK A, Khu B, Đường L, D, H, Hà Nội được và 01 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TN2*);

28) 06 gói “Táo đỏ”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. T, Bình Phước và 01 gói “Ngô nếp sấy giòn”, trên nhãn thể hiện thông tin địa chỉ: P. Đ, TP . được cho vào 01 thùng bìa cát tông, sử dụng giấy niêm phong dán tại các mép các thùng bìa (*ký hiệu TH1*).

Số vật chứng trên được Cơ quan điều tra Công an tỉnh B bàn giao cho Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo biên bản bàn giao nhận vật chứng số: 01/2020 ngày 05/9/2025.

III. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

IV. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
 - - Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
 - - CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
 - - Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh Bắc Ninh;
 - - Bị cáo; những người tham gia TT khác;
 - - UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh